

Bản án số: 77/2026/DS-ST
Ngày: 21-04-2026.
Về tranh chấp Hợp đồng dịch vụ.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Đoàn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Lan.

2/ Bà Đoàn Thị Mai Anh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 04 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 3874/2025/TLST – DS ngày 23 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Bé S**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: **Ấp A, xã S, tỉnh Cà Mau.**

Người đại diện hợp pháp: Ông **Tạ Chiếu D**, sinh năm 1977 (có mặt).

(Giấy ủy quyền số công chứng 00117/2026/CCGD lập tại **Phòng C**, tỉnh Cà Mau ngày 12/01/2026).

Bị đơn: **Công ty TNHH Đ** (vắng mặt).

Địa chỉ: **Số D N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông **Tạ Chiếu D** trình bày như sau: Ngày 11/12/2023, bà **Trương Thị Bé S** ký kết Hợp đồng lao động có tay nghề Úc với **Công ty TNHH Đ** với số tiền tổng cộng là 753.082.500 đồng. Cụ thể như sau: Ngày 13/12/2023, bà **Trương Thị Bé S** đã đóng số tiền là: 450.000.000 đồng. Ngày 29/12/2023, bà **Trương**

Thị Bé S đã đóng số tiền là 303.082.500 đồng. Tất cả biên nhận đều ký tên và đóng dấu của Công ty TNHH Đ. Sau khi ký kết và chuyển tiền, bà Trương Thị Bé S đã nhiều lần liên lạc để trao đổi thêm về tiến độ xử lý hồ sơ nhưng đều không nhận được sự phản hồi của Công ty TNHH Đ. Đến ngày 19/02/2025, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đ là ông Huỳnh Văn T đã có buổi làm việc với bà Trương Thị Bé S. Tại buổi làm việc, bà Trương Thị Bé S và Công ty TNHH Đ đã quyết định thanh lý hợp đồng. Đồng thời, Công ty TNHH Đ đồng ý trả lại cho bà Trương Thị Bé S số tiền 566.407.500 đồng với thời hạn trả là 150 ngày tính từ ngày ký thanh lý và được hoàn trả một lần. Ngoài ra, Công ty TNHH Đ cam kết nếu không thanh toán đúng hạn thì phải trả thêm tiền lãi với mức lãi suất theo quy định cho vay của ngân hàng. Việc thanh toán trễ hạn cũng không được vượt quá 30 ngày. Đến ngày Hợp đồng thanh lý có hiệu lực tức là ngày 19/07/2025, bà Trương Thị Bé S đã nhiều lần liên lạc yêu cầu thanh toán số tiền như đã thỏa thuận nhưng Công ty TNHH Đ vẫn không thực hiện. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, bà Trương Thị Bé S đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết các yêu cầu sau đây:

- Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán số tiền là 566.407.500 đồng.
- Buộc Công ty TNHH Đ thanh toán tiền lãi với lãi suất là 3,8%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Bị đơn Công ty TNHH Đ đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và giấy triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán theo quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại các Điều 170, Điều 171 Bộ luật tố tụng dân sự; thực hiện đúng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự được tiến hành theo đúng quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu theo đúng quy định tại Điều 220; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ nguyên tắc xét xử về phiên tòa sơ thẩm được quy định tại Điều 222, Điều 223 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty TNHH Đ trả cho bà Trương Thị Bé S số tiền 566.407.500 đồng phát sinh từ Hợp đồng dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023 và Thanh lý hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023. Ngoài ra, Công ty TNHH Đ còn có trách nhiệm thanh toán nợ lãi phát sinh từ ngày 19/02/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bị đơn Công ty TNHH Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp:

Xét, bà **Trương Thị Bé S** khởi kiện yêu cầu **Công ty TNHH Đ** thanh toán số tiền còn thiếu của Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC. Như vậy, có cơ sở xác định đây là tranh chấp về Hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 07 năm 2025.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023 được ký kết giữa bà **Trương Thị Bé S** và **Công ty TNHH Đ** thể hiện tại thời điểm ký kết hợp đồng thì **Công ty TNHH Đ** có địa chỉ trụ sở tại: **Số D N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại **Công an phường T**, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: “*Qua rà soát, xác minh tại một phần **Tầng A**, Tòa nhà **Indochina Park T1**, **số D N**, **phường T**, **Thành phố Hồ Chí Minh** không có công ty nào tên **Công ty TNHH Đ** có đăng ký hoạt động*”

Căn cứ kết quả xác minh của Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh tại **Sở Tài chính Thành phố H** và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên do **Sở T** cung cấp thể hiện: “*Công ty TNHH Đ có trụ sở tại: **Một phần T**, Tòa nhà **Indochina Park T1**, **số D N**, **phường Đ**, **Quận A**, **Thành phố Hồ Chí Minh** (nay là **phường T**, **Thành phố Hồ Chí Minh**). Đến nay doanh nghiệp vẫn chưa đăng ký giải thể*”.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 1, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

1.3. Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt đương sự:

Bị đơn **Công ty TNHH Đ** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025.

[2]. Về nội dung:

2.1. Xét về tính hợp pháp của Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023 và Thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 19/02/2025 được ký kết giữa bà **Trương Thị Bé S** và **Công ty TNHH Đ**:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì có cơ sở khẳng định như sau: Ngày 11/12/2023, bà **Trương Thị Bé S** và **Công ty TNHH Đ** đã ký kết Hợp

đồng tư vấn dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC với nội dung như sau: Công ty TNHH Đ nhận tư vấn và làm thủ tục trọn gói xin Visa lao động tại Úc cho bà Trương Thị Bé S. Cụ thể như sau: Nhóm lao động: Lao động có tay nghề; Địa điểm làm việc: Úc; Mức lương tối thiểu: Theo quy định của chính phủ Úc; Yêu cầu danh cho bà Trương Thị Bé S là: Tuổi: 20-25; Trình độ chuyên môn: Tối thiểu trung cấp trở lên; Tiếng Anh: IELTS 5.5 – 6.0 hoặc PTE A; Kinh nghiệm làm việc: Tối thiểu 02 năm; Đủ sức khỏe, không bị bệnh lao phổi, HIV, viêm gan C; Lý lịch tư pháp trong sạch. Chi phí dự kiến làm hồ sơ bao gồm hai loại: Chi phí chung là: 600.000.000 đồng và Chi phí khác là: 62.205.000 đồng.

Xét, tại thời điểm xác lập giao dịch dân sự, bà Trương Thị Bé S và Công ty TNHH Đ đều là những chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, tham gia giao dịch một cách hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đây là giao dịch dân sự được xác định là hợp pháp nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên đương sự.

Đến ngày 19/02/2025, bà Trương Thị Bé S và Công ty TNHH Đ đã ký kết văn bản Thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2024/HĐTVĐV-LĐTN-UC.

Tại khoản 2 Điều 422 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “Hợp đồng chấm dứt trong trường hợp sau đây: 2. Theo thỏa thuận của các bên”. Xét thấy, việc chấm dứt hợp đồng trên cơ sở thỏa thuận của các bên, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định là hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Bé S về việc buộc Công ty TNHH Đ phải thanh toán số tiền nợ gốc là 566.407.500 đồng.

Căn cứ vào Phiếu thu tiền ngày 13/12/2023, Giấy xác nhận thu hộ tiền ngày 29/12/2023 cũng như sự xác nhận của các đương sự tại văn bản Thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 19/02/2025 thì có cơ sở khẳng định: Sau khi ký kết Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023, bà Trương Thị Bé S đã đóng cho Công ty TNHH Đ số tiền tổng cộng là 753.082.500 đồng.

Căn cứ Điều 2 của văn bản Thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2024/HĐTVĐV-LĐTN-UC có nội dung thể hiện: “Hai bên đồng ý thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023 với lý do là bà Trương Thị Bé S không đáp ứng đủ yêu cầu tiếng Anh IELTS (5.5 – 6.0) theo hợp đồng đã ký và có đơn xin thanh lý hợp đồng trước hạn. Do bà Trương Thị Bé S đề nghị thanh lý hợp đồng trước hạn nên bị trừ số tiền tổng cộng là 186.675.000 đồng. Số tiền còn lại mà Công ty TNHH Đ phải hoàn trả cho bà Trương Thị Bé S và Công ty TNHH Đ là 566.407.500 đồng. Số tiền này được hoàn trả một lần. Trường hợp nếu có trả trễ thì cũng không được quá 30 ngày và Công ty TNHH Đ phải trả thêm phần lãi suất cho bà Trương Thị Bé S”.

Xét, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH Đ nhưng không có người đại diện đến trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ. Do đó, bị đơn Công ty TNHH Đ đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trương Thị Bé S** về việc buộc bị đơn **Công ty TNHH Đ** phải thanh toán số tiền 566.407.500 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Trương Thị Bé S** về việc buộc **Công ty TNHH Đ** thanh toán tiền lãi với lãi suất 3,8%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho đến khi giải quyết xong vụ án:

Tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “2. *Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*”. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: “*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác*”.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn **Công ty TNHH Đ** phải thanh toán tiền lãi với lãi suất 3,8%/năm là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận tại Điều 2 của văn bản Thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2024/HĐTVĐV-LĐTN-UC thì số tiền 566.407.500 đồng được **Công ty TNHH Đ** hoàn trả một lần, thời gian hoàn trả là 150 ngày làm việc, kể từ ngày thanh lý hợp đồng.

Như vậy, tính cả các ngày nghỉ lễ chính thức theo quy định của Việt Nam trong năm 2025 (bao gồm Ngày Giải phóng **miền N**, Quốc tế Lao động 01/05 và Quốc khánh 02/09) và các ngày nghỉ cuối tuần Thứ bảy, Chủ Nhật thì ngày kết thúc thời gian trả nợ là ngày 22/09/2025.

Tạm tính từ ngày **Công ty TNHH Đ** vi phạm nghĩa vụ thanh toán là ngày 23/09/2025 đến ngày xét xử vụ án là ngày 21/04/2026, số tiền nợ lãi được tính như sau:

$566.407.500 \text{ đồng} \times [210 \text{ ngày} \times 3,8\% : 365 \text{ ngày}] = 12.383.562 \text{ đồng}.$

Ngoài ra, **Công ty TNHH Đ** còn phải tiếp tục thanh toán nợ lãi phát sinh kể từ ngày 22/04/2026 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ cho bà **Trương Thị Bé S**.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì:

- Bà **Trương Thị Bé S** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.
- **Công ty TNHH Đ** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 468, Điều 513, Điều 514, Điều 515, Điều 516, Điều 517, Điều 518, Điều 519 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty TNHH Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Trương Thị Bé S số tiền của Hợp đồng tư vấn dịch vụ số 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 11/12/2023 và Thanh lý Hợp đồng tư vấn dịch vụ số TL 04111979/2023/HĐTVĐV-LĐTN-UC ngày 19/02/2025, tạm tính đến ngày 21/04/2026 tổng cộng là 578.791.062 đồng (năm trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn không trăm sáu mươi hai đồng), trong đó: nợ gốc là 566.407.500 đồng, nợ lãi là 12.383.562 đồng.

Thi hành tại Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 22/04/2026 cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty TNHH Đ còn phải có trách nhiệm trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận tại văn bản Thanh lý hợp đồng dịch vụ số TL04111979/2024/HĐTVĐV – LĐTN – UC ngày 19/12/2025 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp lãi suất ngân hàng có sự điều chỉnh theo từng thời kỳ thì tiền lãi mà bị đơn phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cũng được điều chỉnh cho phù hợp.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 27.151.642 đồng (hai mươi bảy triệu một trăm năm mươi một nghìn sáu trăm bốn mươi hai đồng).

- Trả lại cho bà Trương Thị Bé S số tiền tạm ứng án phí là 13.408.347 đồng (mười ba triệu bốn trăm lẻ tám nghìn ba trăm bốn mươi bảy đồng) theo biên lai số 0029616 ngày 22 tháng 10 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

- Bà Trương Thị Bé S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Công ty TNHH Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV1;
- THADS TP.HCM;
- Lưu;
- VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Đoàn Thanh Trúc